

Số: 168 /CAA-HCM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Hiệp Phước**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Hiệp Phước ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Ghi chú Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28 tháng 2 năm 2010, từ trang 3 đến trang 15 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182 /KTV

*Thay mặt và đại diện cho***CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN CA&A**

Ngày 28 tháng 2 năm 2010

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú		
			31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		326.768.896.440	225.819.422.110
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	232.565.678.454	17.817.019.440
1. Tiền	111		14.021.327.809	13.724.642.588
2. Các khoản tương đương tiền	111		218.544.350.645	4.092.376.852
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	52.177.259.646	196.256.054.103
1. Đầu tư ngắn hạn	121		52.177.259.646	196.256.054.103
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.522.161.873	1.381.223.223
1. Phải thu khách hàng	131		3.935.938.011	447.875.276
2. Trả trước cho người bán	132		10.543.223.862	880.625.252
3. Các khoản phải thu khác	135		43.000.000	52.722.695
III. Hàng tồn kho	140		115.934.776	111.000.076
1. Hàng tồn kho	141		115.934.776	111.000.076
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.387.861.691	10.254.125.268
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		23.576.418.489	9.504.821.270
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	176.166.012
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.811.443.202	573.137.986
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.435.512.402	34.072.105.294
I. Tài sản cố định	220		40.664.287.125	27.349.894.745
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	27.844.586.045	6.916.644.262
- Nguyên giá	222		31.275.249.910	8.918.913.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.430.663.865)	(2.002.269.361)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	254.813.645	12.187.501
- Nguyên giá	228		309.301.386	14.250.014
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.487.741)	(2.062.513)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	12.564.887.435	20.421.062.982
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	450.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	450.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		3.771.225.277	6.272.210.549
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	3.771.225.277	6.272.210.549
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		371.204.408.842	259.891.527.404

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC

Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè,

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DN**Đơn vị: VND**

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	
		31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	125.102.061.224	118.888.255.779
I. Nợ ngắn hạn	310	119.810.299.344	112.332.354.565
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	-	-
2. Phải trả người bán	312	19.878.821.271	1.602.606.715
3. Người mua trả tiền trước	313	24.251.726.103	70.124.164.707
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11.887.170.066	1.155.765.383
5. Chi phí phải trả	316	55.419.339.521	28.150.608.004
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	8.373.242.383	11.299.209.756
II. Nợ dài hạn	330	5.291.761.880	6.555.901.214
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	333	874.511.630	144.211.452
2. Phải trả dài hạn khác	338	4.417.250.250	6.411.689.762
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	246.102.347.618	141.003.271.625
I. Vốn chủ sở hữu	410	225.212.430.888	129.636.962.072
1. Vốn điều lệ	411	60.000.000.000	60.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	413	2.096.884.215	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	12.872.254.192	6.002.161.525
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	12.872.254.192	6.002.161.525
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420	137.371.038.289	57.632.639.022
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	20.889.916.730	11.366.309.553
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431	20.889.916.730	11.366.309.553
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	371.204.408.842	259.891.527.404



Nguyễn Xuân Hán
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2010

Vũ Thị Thanh Thảo
Giám đốc tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC

Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè,

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	2009	2008
1. Doanh thu thuần	10	15	189.233.558.940	190.162.832.727
2. Giá vốn hàng bán	11	16	58.652.436.516	105.236.144.493
3. Lợi nhuận gộp	20		130.581.122.424	84.926.688.234
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	32.111.282.688	28.526.095.628
<i>Trong đó: Thu nhập lãi vay</i>			21.330.321.723	20.395.982.536
<i>Thu nhập lãi chậm trả</i>			10.763.560.176	8.130.113.092
5. Chi phí tài chính	22		-	113.785
6. Chi phí bán hàng	24	18	2.317.352.426	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	17.048.504.818	16.674.490.743
8. Lãi từ hoạt động kinh doanh	30		143.326.547.868	96.778.179.334
9. Thu nhập khác	31		4.044.199.753	539.081.552
10. Chi phí khác	32		1.522.483.639	349.144.421
11. Lợi nhuận khác	40	20	2.521.716.114	189.937.131
12. Lãi kế toán trước thuế	50		145.848.263.982	96.968.116.465
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	8.446.410.647	4.848.405.823
14. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		137.401.853.335	92.119.710.642
15. Lãi từ bán trên cổ phần	61	22	22.900	15.353



NGUYỄN XUÂN HÂN
 Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 2 năm 2010

Thao
 Vũ Thị Thanh Thảo
 Giám đốc tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC

Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè,

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2009		2008	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lãi trước thuế					
	01	145.848.263.982		96.968.116.465	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	1.663.595.800		1.434.593.687	
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(24.201.460.117)		12.118.994	
3. Lợi nhuận/(chi phí) kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động					
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	08	123.310.399.665		98.414.829.146	
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	09	(12.279.990.703)		34.606.086.534	
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	10	(4.934.700)		64.366.846.584	
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	11	(56.498.013.645)		(75.753.300.157)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(11.570.611.947)		401.197.153	
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	13	(3.869.392.534)		(5.272.272.553)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	14	-		161.965.417	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.687.794.579		108.877.314.695	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(16.838.753.815)		(18.997.932.429)	
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	4.149.709.506		342.273.111	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(188.735.384.806)		(487.561.313.822)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	332.814.179.263		390.532.603.724	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-		(450.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	450.000.000		-	
7. Tiền thu lãi cho vay		17.407.234.572		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	149.246.984.720		(116.134.369.421)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	33	-		269.776.500	
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	34	34.716.995.500		(25.266.829.573)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	34.716.995.500		(24.997.053.073)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	212.651.774.799		(32.254.107.799)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	17.817.019.440		49.601.842.697	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.096.884.215		469.284.542	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	232.565.678.454		17.817.019.440	
Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ					

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 18.617.976.049 VNĐ, là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

**NGUYỄN XUÂN HÂN**

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2010

Vũ Thị Thanh Thảo

Giám đốc tài chính